

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS- ST
Ngày: 04-5-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Bình
2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị P, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà P ủy quyền cho Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1996; Địa chỉ ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị T1, sinh năm 1968

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T, bà T1, ông B xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Trong đơn khởi kiện bà P yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị T1 liên đới trả cho bà số tiền vay là 90.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm thời gian tính từ ngày 27/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác định bà P chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị T1 liên đới trả cho bà số tiền vay là 90.000.000 đồng

tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng thời gian tính từ ngày 27/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Vào ngày 27/9/2020 bà P có cho bà T1, ông B mượn số tiền 200.000.000 đồng, ông B, bà T1 mượn để mua đất, thời gian mượn là 01 tháng trả lại cho bà Phượng nhưng đến hạn bà T1, ông B không trả sau đó thì trả nhiều lần tổng số tiền là 110.000.000 đồng còn nợ lại 90.000.000 đồng, bà T1, ông B trả lần cuối là ngày nào không nhớ rõ. Khi cho mượn trong giấy không có ghi lãi, nhưng có thỏa thuận lãi trả mỗi tháng nhưng chị không rõ, bà T1, ông B, không có trả lãi lần nào.

- Bị đơn bà Trương Thị T1 trình bày :

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà P 200.000.000 đồng vào ngày 27/9/2020 khi mượn có viết giấy tay, bà và ông B có ký tên, thỏa thuận 01 tháng trả nhưng bà chỉ trả được 110.000.000 đồng, trả nhiều lần không nhớ ngày trả hiện bà và ông B còn nợ bà P 90.000.000 đồng. Khi vay tiền trong giấy không có ghi thỏa thuận lãi bao nhiêu nhưng bà P và vợ chồng bà có thỏa thuận miệng mỗi tháng vợ chồng bà trả 7.000.000 đồng/200.000.000 đồng, bà và ông B trả được khoảng 4 , 5 tháng gì đó không nhớ rõ thì không trả lãi nữa. Số tiền lãi đã đóng bà không có yêu cầu tòa án xem xét lại. Nay bà P yêu cầu bà và ông B trả 90.000.000 đồng tiền nợ gốc thì bà đồng ý cùng ông B trả cho bà P 90.000.000 đồng. Trong quá trình hòa giải bà P đồng ý cùng ông B trả nợ nhưng xin trả dần, cụ thể là vào ngày 03/4/2022 trả 30.000.000 đồng, ngày 03/5/2022 trả 30.000.000 đồng, ngày 03/6/2022 trả 30.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi của bà P bà xin không trả lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Sau khi hòa giải bà P trình bày bà đồng ý cùng ông B liên đới nợ, đồng ý trả lãi từ ngày 27/10/2020 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm với mức lãi 0,83 %/tháng nhưng xin trả dần vốn và lãi mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Bà P yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị T1 liên đới trả cho bà số tiền vay là 90.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng/ thời gian tính từ ngày 27/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà P đồng ý cùng ông B trả 90.000.00 đồng còn nợ, đối với yêu cầu tính lãi của bà T1 đồng ý trả lãi từ ngày 27/10/2020 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm với mức lãi 0,83 %/tháng nhưng xin trả dần vốn và lãi mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lời trình bày. Phía bà P và bà T1 thống nhất bà T1, ông B có vay của bà P 200.000.000 đồng và đến thời điểm này bà T1, ông B còn nợ 90.000.000 đồng, trong tờ giấy không tiêu đề ngày 27/9/2020 ghi “...tôi tên...vợ chồng tôi có mượn của cô 9 số tiền 200.000.000 đ... để mua đất..”. ông B ký tên nhưng ông B không có ý kiến gì nên có căn cứ để xác định bà T1, ông B có vay của bà P 200.000.000 đồng và đến thời điểm này bà T1, ông B còn nợ bà P số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng và việc bà T1, ông B vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ đúng hạn như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà P. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc bà T1, ông B phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà P số tiền vốn vay 90.000.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, bà T1 đồng ý trả nhưng bà xin trả dần số tiền này vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng phía bà P không đồng ý cho ông B và bà T1 trả dần. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong tờ giấy không tiêu đề ngày 27/9/2020 ghi “...thời gian mượn là 1 tháng tôi sẽ trả lại..” như vậy, các bên thỏa thuận 01 tháng trả nhưng bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà P nên việc bà T1 xin trả dần là không có cơ sở nên không chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo tài liệu, chứng cứ thì ngày vay tiền là ngày 27/9/2020 nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 27/10/2020 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp, tổng số tiền vay còn thiếu của bị đơn là 90.000.000 đồng. Bị đơn bà T1 đồng ý trả lãi, không có yêu cầu tính lãi lại nên buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền lãi từ ngày 27/10/2020 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm tổng số tiền vay còn thiếu của bị đơn trên 90.000.000 đồng là phù hợp. Như vậy, số tháng bị đơn phải trả lãi 19 tháng 07 ngày nên bị đơn phải trả tiền lãi là 90.000.000 đồng x 0,83% x 19 tháng 07 ngày = 14.367.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T1, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị P.

Buộc bà Trương Thị T1, ông Nguyễn Văn B phải liên đới hoàn trả cho bà Trương Thị P số tiền vay là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng, tiền lãi là 14.367.000 (Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, tổng cộng là 104.367.000 (Một trăm lẻ bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Trương Thị T1, ông Nguyễn Văn B phải liên đới nộp số tiền án phí là 5.218.000 đ (Năm triệu hai trăm mười tám nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Trương Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.796.000đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004866 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Dương sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Dương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

